TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24 - 9 - 2022 V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Khương

2. Ông Lê Phước Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh Ng, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Trương Thị H, sinh năm: 1974
Nơi cư trú: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: Ấp 7, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Bà Hồng Yến S, sinh năm: 1964

Nơi cư trú: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Chị Sử Thuỳ L, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Ấp 7, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Ông Lê Văn Ú, sinh năm: 1952

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3.6. Bà Trần Thị Tuyết, sinh năm: 1950

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3.7. Anh Phạm Thanh H, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.8. Anh Đinh Hoàng Kh, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.9. Ngân hàng thương mại cổ phần B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Chí Khanh – Chuyên viên xử lý nợ

Nơi cư trú: Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Danh Ng đã ly hôn theo bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Về phần tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết mà để tự thoả thuận. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì không tự thoả thuận được nên đã phát sinh tranh chấp. Trong thời gian sống chung, có tạo lập được khối tài sản bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 có chiều ngang 4,5m; chiều dài 14m với tổng diện tích là 63m^2; 01 phần đất có diện tích 300m^2, phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy chứng nhận đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Liên Việt – Phòng giao dịch Long Mỹ. Toàn bộ nhà và đất toạ lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra trong thời gian sống chung, có phát sinh khoản nợ chung gồm:

1. Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh huyện Long Mỹ 50.000.000 đồng.

2. Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Long Mỹ 20.000.000 đồng.

3. Nợ bà Trương Thị Hằng số tiền hụi chết 60.000.000 đồng.

4. Nợ bà Nguyễn Thị Thêm số tiền hụi chết 20.000.000 đồng.

5. Nợ bà Hồng Yến Sò số tiền hụi chết 30.000.000 đồng.

6. Nợ Đinh Hoàng Khâm số tiền vay 30.000.000 đồng.

7. Nợ bà Sử Thùy Lanh số tiền hụi chết 7.000.000 đồng.

8. Nợ ông Lê Văn Út và bà Trần Thị Tuyết 06 chỉ vàng 24k (loại 9999).

9. Nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông Phạm Thanh Hùng số tiền 15.000.000 đồng.

Khoản nợ của 02 Ngân hàng đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực, những khoản nợ còn lại chưa được giải quyết.

Nay, chị Thi yêu cầu Toà án chia đôi toàn bộ tài sản chung này theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Danh Ngôi trình bày:

Trước đây anh Ngôi và chị Thi là vợ chồng hợp pháp, do trong thời gian sống chung không còn hạnh phúc nên quyết định ly hôn. Theo quyết định của Tòa án thì phần tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian sống chung có tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà và đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng năm 2006 với diện tích là 300m^2, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đã thế chấp cho ngân hàng Liên Việt.

Về nợ chung thì có một số nợ chung sau:

1. Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh huyện Long Mỹ 50.000.000 đồng.

2. Nợ Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Long Mỹ 20.000.000 đồng.

3. Nợ bà Hồng Yến Sò số tiền hụi chết 14.000.000 đồng.

4. Nợ ông Lê Văn Út và bà Trần Thị Tuyết 06 chỉ vàng 24k (không biết loại bao nhiêu phần trăm).

5. Nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông Phạm Thanh Hùng số tiền 15.000.000 đồng.

Các số nợ còn lại theo lời trình bày của chị Thi thì anh Ngôi không biết.

Nay chị Th yêu cầu chia tài sản chung gồm nhà và đất thì anh Ng không đồng ý chia vì tài sản này anh để lại cho con là cháu Danh Đua lớn lên để sử dụng. Đối với số nợ chung thì anh đồng ý cùng với chị Thi trả các khoản nợ sau:

1. Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh huyện Long Mỹ 50.000.000 đồng.

2. Nợ Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Long Mỹ 20.000.000 đồng.

3. Nợ bà Hồng Yến Sò số tiền hụi chết 14.000.000 đồng.

4. Nợ ông Lê Văn Út và bà Trần Thị Tuyết 06 chỉ vàng 24k (không biết loại bao nhiêu phần trăm).

5. Nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông Phạm Thanh Hùng số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh Ngôi không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H trình bày:

Trước đây vợ chồng chị Lê Thị Thi và anh Danh Ngôi có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, có 28 phần do bà Hằng làm chủ hụi. Vợ chồng chị Thi và anh Ngôi tham gia một phần, đã hốt đầu. Sau khi hốt thì chị Thi và anh Ngôi có đóng lại hụi chết đến lần thứ bảy thì ngưng đóng. Tính đến nay vợ chồng chị Thi và anh Ngôi còn nợ bà Hằng số tiền hụi chết là 63.000.000 đồng.

Nay bà Hằng không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Th trình bày:

Trước đây vào ngày 02/11/2018 tôi có làm chủ dây hụi 100.000 đồng, hụi ngày, có 60 phần, chị Thi và anh Ngôi có tham gia 04 phần, đã hốt hết còn nợ lại 52 ngày hụi chết (mỗi ngày 110.000 đồng) bằng số tiền 22.800.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại thì chị Thi va anh Ngôi còn nợ bà Thêm số tiền 22.800.000 đồng.

Nay bà Thêm không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sử Thùy Lanh trình bày:

Trước đây vợ chồng chị Lê Thị Thi và anh Danh Ngôi có tham gia dây hụi 500.000 đồng, một tháng khui một lần do chị Lanh làm chủ hụi. Vợ chồng chị Thi và anh Ngôi tham gia hai phần, đã hốt hết hai phần. Tính đến nay vợ chồng chị Thi và anh Ngôi còn nợ chị Lanh số tiền hụi chết là 8.000.000 đồng.

Nay chị Lanh không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Hoàng Khâm trình bày:

Vào năm 2008, vợ chồng chị Thi và anh Ngôi có vay của tôi 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể. Sau khi vay thì vợ chồng chị Thi và anh Ngôi có đóng được vài tháng tiền lãi thì ngưng đóng cho đến nay. Tính đến nay chị Thi và anh Ngôi còn nợ tôi số tiền vốn là 30.000.000 đồng và hơn 10 tháng tiền lãi.

Nay anh Khâm không có yêu cầu gì trong vụ kiện nàyNếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồng Yến Sò trình bày:

Trước đây vợ chồng chị Lê Thị Thi và anh Danh Ngôi có tham gia dây do bà Sò làm chủ hụi. Tính đến nay vợ chồng chị Thi và anh Ngôi còn nợ bà Sò số tiền hụi chết là 14.000.000 đồng. Ngoài ra, chị Thi và anh Ngôi còn vay của tôi số tiền 16.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà chị Thi và anh Ngôi còn nợ của tôi là 30.000.000 đồng.

Nay bà Sò không có yêu cầu gì trong vụ kiện nàyNếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Út và bà Trần Thị Tuyết trình bày:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Út và bà Trần Thị Tuyết thống nhất với chị Thi và anh Ngôi về số vàng còn nợ.

Nay ông Út và bà Tuyết không có yêu cầu gì trong vụ kiện này Nếu sau này có phát sinh tranh chấp gì về số tiền trên thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh Hùng trình bày:

Trước đây tôi có bán vật liệu xây dựng là cát và đá cho anh Danh Ngôi và chị Lê Thị Thi với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền cho đến nay anh Ngôi và chị Thi chửa trả cho tôi. Nay chị Thi và anh Ngôi có tranh chấp về tài sản chung nhưng tôi không có yêu cầu giải quyết khoản nợ này trong vụ án này. Khi nào có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt. Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Chí Khanh trình bày:

Ngày 08/3/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD803201805344 ngày 08/3/2018 với chị Lê Thị Thi và

anh Danh Ng. Do chị Th và anh Ng vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên ngân hàng đã khởi kiện bà Th , Ông Ng. Vụ kiện đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng cũng đã có yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị Thi, anh Ngôi còn nợ.

Nay ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, chỉ yêu cầu chị Thi và anh Ngôi trả tất số tiền đã nợ theo bản án hôn nhân gia đình số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Th. Theo đó chia cho chị Th được nhận giá trị là ½ giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá, anh Ng được nhận hiện vật là toàn bộ đất, nhà và các tài sản khác theo quy định và có trách nhiệm trả lại giá trị cho bà Th . Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa chị Th và anh Ng có quan hệ hôn nhân hợp pháp và hôn nhân của bà Thi, ông Ngôi được giải quyết tại bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Long Mỹ. Trong quá trình chung sống chị Th, anh Ng có tạo lập được phần tài sản chung gồm nhà và đất như trên. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong trường hợp này là "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, thuộc loại án hôn nhân và gia đình, bị đơn và tài sản tranh chấp đều ở địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng : Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận toàn bộ tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý chia, yêu cầu để lại toàn bộ cho con. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th và anh Ng có quan hệ hôn nhân hợp pháp và hôn nhân của chị Th, anh Ng được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy việc tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và theo quy định của pháp luật thì đây là tài sản chung của vợ chồng. Do đó yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Thi là có căn cứ.

[2.2]. Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 146/BĐS ngày 29/7/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì toàn bộ tài sản chung của chị Thi và anh Ngôi có giá trị là 795.626.000^{đ} (bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên toà Hội đồng xét xử làm rõ công sức đóng góp của các đương sự trong việc tạo lập khối tài sản chung. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận công sức đóng góp là ngang nhau. Xét công sức đóng góp tạo ra tài sản chung của chị Th và anh Ng là ngang nhau, không ai đề cặp xem xét mức độ lỗi của nhau do vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng để làm căn cứ chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét phân chia cho ai nhiều hơn ai.

[2.3]. Xét về yêu cầu nhận giá trị tài sản tranh chấp mà không nhận hiện vật. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ly hôn chị Th đã có nơi ở khác, anh Ngôi ở lại quản lý trong coi và ở trên căn nhà này, hiện tại anh Ngôi đang nuôi con chung của vợ chồng và đang quản lý căn nhà. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay chị Th cũng không yêu cầu nhận hiện vật nên việc giao cho anh Ng tiếp tục ở và quản lý căn nhà, trả lại

giá trị cho nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế hiện nay.

[3]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án được tính như sau:

Bà Th phải nộp án phí trên tổng số giá trị tài sản là 397.813.000^{đ} x 5% = 19.890.650^{đ} (mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Ông Ng phải nộp án phí với tổng số giá trị tài sản là 397.813.000^{đ} x 5% = 19.890.650^{đ} (mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

[3.2]. Về chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại các Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng của số tiền 7.420.000^{đ} (bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Thi đã nộp xong toàn bộ chi phí tố tụng nên ông Ngôi có nghĩa vụ trả lại cho bà Thi số tiền 3.710.000^{đ} (ba triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Th đối với bị đơn Danh Ng.

2. Giao cho bị đơn Danh Ng được toàn quyền quản lý, sử dụng phần nhà, đất và cây trồng trên đất tại thửa 1856, loại đất CLN, diện tích 300m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Tứ cận như sau: Ngang giáp lề lộ là 6.00m; ngang giáp thửa 1859 là 6.00m; dài giáp thửa 1833 là 48.57m; dài giáp thửa 1857 là 48,57m (có lược đồ kèm theo).

Ông Danh Ng có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấ p giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Buộc ông Danh Ng trả cho nguyên đơn Lê Thị Th ½ giá trị tài sản với số tiền là 397.813.000^đ (ba trăm chín mươi bảy triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

4.1. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm là 19.890.650^đ (mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Thi đã nộp 300.000^đ (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0006156 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Lê Thị Th có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 19.590.650^đ (mười chín triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng)

Bị đơn Danh Ng phải nộp án phí sơ thẩm là 19.890.650^đ (mười chín triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

4.2. Chi phí tố tụng khác: Bị đơn Danh Ng có nghĩa vụ nộp hoàn trả lại cho nguyên đơn Lê Thị Th số tiền 3.710.000^đ (ba triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bi đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được

quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- Các dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lữ Thành Đồng